TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 22-3- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Văn Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**

2/ Ông **Phạm Văn Nhơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Phương**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà..

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc "*tranh chấp hợp đồng đặt cọc"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Lê Văn S,** sinh năm 1961 "có mặt".

Địa chỉ: ấp TH, xã TH, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: 1/ **Phạm Hoàng T**, sinh năm 1979 "có mặt".

2/ **Hồ Thị T**, sinh năm 1979

Người đại diện hợp pháp của chị Hồ Thị T: là anh Phạm Hoàng T đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/3/2023)

Cùng địa chỉ: ấp HT, xã HT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê văn S trình bày: Do quen biết với nhau vào ngày 16/10/2022 anh có thỏa thuận với anh T (tên thường gọi Út Triệu) cùng vợ là chị T có ký hợp đồng mua bán quýt bên bán đồng ý bán toàn bộ trái cây trên cây từ ngày 16/10/2022 đến ngày 16/01/2023al với số tiền đặt cọc 450.000.000đ, anh đã đưa tiền cọc cho anh T, chị T nhận xong, hai bên thỏa thuận số quýt của vợ chồng anh T, chị T bán cho anh là 50 tấn trở lên, hai bên không thỏa thuận giá thị trường thì bên bán có quyền bán cho lái khác và bên bán phải hoàn lại cho bên mua số tiền 3.500đ/ký x cho 50 tấn.

Hai bên thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng bên mua sai hợp đồng thì mất cọc, bên bán sai hợp đồng thì bồi thường gấp đôi tiền cọc, trên diện tích đất là 45.000m^2 (45 công) đất tọa lạc ấp HT, xã HT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long là anh T thuê đất của người khác để trồng quýt. Đến tháng chạp năm 2022 anh T không bán quýt cho anh mà bán cho người khác và anh có yêu cầu anh T, chị T trả tiền cho anh và anh T có hứa sẽ trả nhưng đến nay anh T không trả tiền cho anh. Nay anh yêu cầu anh T, chị T trả anh số tiền cọc 450.000.000đ và tiền bồi thường cọc gấp đôi là 900.000.000đ, tổng cộng là 1.350.000.000đ.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 ông Lê Văn S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, anh chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 900.000.000đ là xong.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 02 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Hoàng T đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị Hồ Thị T anh T trình bày: Anh xác định theo lời trình bày của anh S là hoàn toàn là đúng, vợ chồng anh có ký hợp đồng bán quýt cho anh S mà anh S nộp cho Tòa án là đúng. Lý do anh không bán quýt cho anh S là do trong quá trình trồng quýt anh vay nợ của người khác nên đến lúc bán quýt thì chủ nợ đòi anh nên chủ nợ vô vườn bán quýt cho người khác để thu hồi nợ mà anh nợ. Nay anh đồng ý trả số tiền cọc cho anh S 450.000.000đ, còn phần bồi thường

gấp đôi tiền cọc là 900.000.000đ anh không đồng ý do anh không có khả năng. Anh đồng ý bồi thường tiền không bán quýt cho anh S với giá là 3.500đ/ký x 50 tấn bằng 175.000.000đ, tổng cộng anh đồng ý trả cho anh S 625.000.000đ

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền 900.000.000đ ngoài ra không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 625.000.000đ là xong và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Lê Văn S khởi kiện bị đơn Phạm Hoàng T và chị Hồ Thị T có nơi cư trú: ấp HT, xã HT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện TO, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các chứng do đương sự giao nộp, Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên không bị nhược điểm về thể chất T thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân theo quy định của pháp luật tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án.

Vào ngày 16/10/222al anh Lê Văn S có làm hợp đồng mua quít trái với anh Phạm Hoàng T (Út Triệu) và vợ là chị Hồ Thị T, vợ chồng anh T, chị T bán toàn bộ quít trái trên cây cho anh Lê Văn S từ ngày 16/10/2022al đến ngày

16/01/2023al với số quít trái từ trên 50 tấn, anh S đặt cọc số tiền 450.000.000đ cho vợ chồng anh T nhận, hai bên thỏa thuận bán theo giá thị trường, nếu không thỏa thuận được giá quít trái trên thì bên bán có quyền bán cho lái khác và phải hoàn lại cho bên mua số tiền 3.500đ/ky x 50 tấn, bên mua sai hợp đồng không mua thì mất tiền cọc, bên bán sai hợp đồng thì bồi thường gấp đôi số tiền đặt cọc trên diện tích đất 45.000m^2 tại ấp HT, xã HT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long do vợ chồng anh T thuê đất của người khác để trồng quít, đến hạn bán quít vợ chồng anh T, chị T không bán quít cho anh S mà bán cho người khác và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hợp đồng cho sanh S.

2.1. Xét việc nguyên đơn Lê Văn S rút lại một phần đơn yêu cầu khởi kiện với bị đơn Phạm Hoàng T và Hồ Thị T với số tiền 450.000.000đ là phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nghĩ nên chấp nhận.

2.2 Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn S yêu cầu anh Phạm Hoàng T cùng vợ là chị Hồ Thị T có trách nhiệm trả cho anh gấp đôi số tiền đặt cọc 450.000.000đ bằng 900.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận, bởi vì ngày 16/10/2022 al anh Lê Văn S và vợ chồng anh Phạm Hoàng T có làm hợp đồng mua bán quít trái, anh S có giao số tiền đặt cọc 450.000.000đ cho vợ chồng anh T nhưng vợ chồng anh T không thực hiện nghĩa vụ bán quít cho anh S mà bán cho người khác theo hợp đồng các bên đã thỏa thuận thì vợ chồng anh T phải bồi thường gấp đôi số tiền đặt cọc là 450.000.000đ x2 bằng 900.000.000đ theo quy định tại điều 328, 429 của Bộ luật dân sự.

2.3 Xét lời trình bày của bị đơn Phạm Hoàng T đồng ý trả lại cho anh Lê Văn S số tiền đặc cọc 450.000.000đ và đồng ý bồi thường số tiền bán quít 3.500đ/1kg x 50 tấn bằng 175.000.000đ tổng cộng 625.000.000đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn Phạm Hoàng T và chị Hồ Thị T có trách nhiệm nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền trả cho anh Lê Văn S là 900.000.000đ bằng [800.000.000đ = 36.000.000đ + (100.000.000đ x3% = 3.000.000đ) = 39.000.000đ] là phù hợp với Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 91; Điều 147, và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 328, 429 của Bô luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khỏan 2 Điều 26của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn S.

Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Văn S kiện đòi anh phạm Hoàng T, chị Hồ Thị T số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) tiền đặt cọc.

Buộc anh Phạm Hoàng T cùng vợ chị Hồ Thị T có nghĩa vụ trả anh Lê Văn S số tiền đặt cọc là 900.000.000đ (*Chín trăm triệu đồng*)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải Thi hành án chưa trả xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu trả lãi theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Hoàng T và chị Hồ Thị T nộp 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;

- VKSND huyện TO;
- THADS huyện TO;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Văn Phương